

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Ông Cao Văn Truyen

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu S, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 14, phường B, quận H, tp Đà Nẵng. có mặt.

Bị đơn: Ông Ông Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Châu S và ông Ông Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa bà S và ông Ông Văn H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông H không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông H đã nhiều lần đánh đập bà S. Do đó, bà S và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay bà S xác định không còn tình cảm gì đối với ông H nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được và hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế nên bà Nguyễn Thị Châu S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ông Văn H.

* Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Châu S và ông Ông Văn H có 01 con chung tên là Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/3/2013. Ly hôn, bà S đề nghị Tòa án giao con cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai ngày 23/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Ông Văn H trình bày: Vợ chồng ông kết hôn từ năm 2011, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, tuy nhiên do ở rẻ nên mặc dù đã lo làm ăn chăm lo gia đình nhưng vợ và gia đình vợ không đối đãi đúng mực với ông, vợ ông không yêu thương chăm sóc giúp đỡ ông dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không kéo dài. Đến năm 2018 thì vợ chồng quyết định ly thân và từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông H xác định vợ chồng có 01 con chung là Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/3/2013, ly hôn ông đồng ý giao con cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có.

Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 bản sao Trích lục kết hôn; 01 giấy khai sinh của con (bản sao); căn cước công dân của bà S, ông H (bản photo); 01 sổ hộ khẩu của ông H, bà S (bản sao); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, con chung; 01 Đơn yêu cầu không đồng ý hoà giải tại Trung tâm hoà giải tại Toà án; 01 Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn; 01 Hồ sơ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, cụ thể là đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt 02 lần không có lý do.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu S, xử cho bà Nguyễn Thị Châu S được ly hôn ông Ông Văn H; giao con chung tên là Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày

15/3/2013 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn ông Ông Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hải vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, bà S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị Châu S và ông Ông Văn H xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã ã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà S cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình và quan điểm sống không hợp, ông H không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông H đã nhiều lần đánh đập bà, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau và không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa. Do đó, bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà S, ông H có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại cả hai không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, ông cũng đồng ý lý hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà S, ông H đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cũng thống nhất ly hôn do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và xử cho bà Nguyễn Thị Châu S được ly hôn ông Ông Văn H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Châu S và ông Ông Văn H có 01 con chung tên là Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/3/2013. Xét thấy, con chung trên 7 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng mẹ và ông H cũng đề nghị giao con cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX giao con Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/3/2013 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Châu S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu S đối với ông Ông Văn H về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Châu S được ly hôn ông Ông Văn H.

Về con chung: giao con chung tên là Ông Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Châu S trực tiếp nuôi dưỡng; ông Ông Văn H không cấp dưỡng nuôi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Châu S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà S đã nộp tại biên lai thu số 0000948 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà S đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H,
Tp Đà Nẵng; (GCNKH số 28/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Huỳnh Thị Thu Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND xã Điện Thắng Trung, tx. Điện Bàn, QN;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn